Ngày 20 tháng 4 năm 2026

I. Tiêu chuẩn được chi

STT	Diễn giải	Số xuất ăn	Tiêu chuẩn được chi				Ghi chú
			Gạo	Tổng số	Tiền	Tổng số	
1	Cơm mẫu giáo	48			20.000	960.000	
2	Cơm nhà trẻ (bữa chính trưa nhà trẻ	27			10.000	270.000	
3	Bữa phụ+ chính chiều nhà trẻ	27			10.000	270.000	
	Cộng	75				1.500.000	

Thực đơn:

Bữa chính: Chả bánh đa nem(tôm, thịt, cà rôt, hành tây,..). Tráng miệng: Quýt sim. Canh thịt nấu chua (Dứa, giá đỗ, cà
Bữa phụ NT: Sữa bột Vinamilk.
Bữa phụ MG: Sữa bột Vinamilk + Bún thịt gà cà chua rau mùi
Bữa chính chiều: Bún thịt gà, cà chua, rau mùi

II. Thức ăn trong ngày

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	Đơn giá	Bữa chính trưa mâu giáo		Bữa chính trưa nhà trẻ		Bữa phụ mẫu giáo		Bữa phụ nhà trẻ		Bữa chính chiều nhà trẻ		Tổng cộng	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
1	Gạo băc thơm	20	4.565	91.300	1800	36.000		0			0	0	6.365	127.300
2	Hành củ	25	80	2.000	20	500	40	1.000			10	250	150	3.750
3	Nước măm Lâm bão	71	30	2.130	5	355	10	710			5	355	50	3.550
4	Dâu đậu nành Simp	60	100	6.000	50	3.000	20	1.200			10	600	180	10.800
5	Bột canh Thiên Hươn	19	30	570	5	95	10	190			5	95	50	950
6	Sữa Vinamilk	255	0	0	0	0	630	160.650	300	76.500		0	930	237.150
7	Hạt nêm Mezan	52	60	3.120	10	520	20	1.040			10	520	100	5.200
9	Miên dong	70	100	7.000	50	3.500		0				0	150	10.500
10	Bún khô	32	0	0	0	0	1600	51.200			800	25.600	2.400	76.800
11	Mộc nhĩ	150	70	10.500	30	4.500	0	0				0	100	15.000
12	Bánh đa nem	90	200	18.000	100	9.000	0	0			0	0	300	27.000
13	Hành hoa	35	70	2.450	30	1.050	0	0			0	0	100	3.500
14	Mỡ lợn	90	80	7.200	120	10.800	0	0			0	0	200	18.000
15	Tôm 30-40con/kg	340	300	102.000	100	34.000	0	0			0	0	400	136.000
16	Thịt Săn bỏ da	140	1.350	189.000	850	119.000	0	0			0	0	2.200	308.000
17	Cà rôt	17	480	8.160	120	2.040	0	0			0	0	600	10.200
18	Trứng vịt	61	750	45.750	250	15.250	0	0			0	0	1.000	61.000
19	Hành tây	15	350	5.250	150	2.250	0	0			0	0	500	7.500
20	Quýt sim	30	2.700	81.000	1500	45.000	0	0			0	0	4.200	126.000
21	Dứa	21	650	13.650	250	5.250	0	0			0	0	900	18.900
22	Giá đỗ	16	650	10.400	250	4.000	0	0			0	0	900	14.400
23	Cà chua	15	700	10.500	250	3.750	200	3.000			150	2.250	1.300	19.500
24	Thịt gà đỏ bỏ cổ đầu, cổ	150	0	0	0	0	850	127.500			850	127.500	1.700	255.000
25	Rau mùi	40	0	0	0	0	70	2.800			30	1.200	100	4.000
	Cộng			**615.980**		**299.860**		**349.290**		**76.500**		**158.370**		**1.500.000**

III. Phần quyết toán trong ngày

* Sô tiên được chi trong ngày: 1.500.000 đông
* Sô tiên đã chi: 1.500.000 đông
* Sô tiên còn thừa: 0 đông — * Sô tiên chi vượt: 0 đông

NGƯỜI PHỤ TRÁCH

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA LÂM

Nguyễn Thị Tuyết Lan